TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP
Tiếng Việt:	THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP
Tiếng Anh:	Vocational practice
Mã số học phần:	14 03 1 4 241
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 7
Loại học phần:	
× Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☑ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành × Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp
Số tín chỉ:	4 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	… tiết
Số tiết lý thuyết:	… tiết
Số tiết bài tập:	… tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	3 tiết
Số tiết thực tập:	56 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	…. tiết
Kiểm tra:	01 tiết
Thời gian tự học:	120 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	BM CTN

2. Mô tả học phần (Course Description)

Đợt thực hành nghề nghiệp nhằm giúp cho các Sinh viên Đại Học ngành KT Cấp thoát nước làm quen với công việc thực tế trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công và quản lý các công trình cấp nước và thoát nước.

Tạo điều kiện cho Sinh viên ứng dụng kiến thức các môn học vào thực tế. Học hỏi những kinh nghiệm thiết kế, quản lý của các cơ quan, doanh nghiệp chuyên ngành.

Rèn luyện kỹ năng và thao tác trong việc ứng dụng các kiến thức học từ nhà trường vào thực tế, tạo tính quan sát từ thực tế để kết kợp với kiến thức đã học và đưa ra giải pháp xử lý phù hợp.

Rèn luyện về ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần độc lập, khả năng tư duy độc lập tự xoay sở để giải quyết vấn đề thực tế.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần *(CGs)*	**Mô tả** *(Course goal description)* *(Học phần này trang bị cho sinh viên:)*	**Chuẩn đầu ra CTĐT** (ELOs)
CG1	Kỹ năng công việc thực tế trong công tác thiết kế, thi công và quản lý các công trình cấp nước và thoát nước	ELO2; ELO3; ELO4
CG2	Khả năng áp dụng kiến thức học từ nhà trường vào thực tế	ELO3; ELO8,9
CG3	Khả năng quan sát từ thực tế để kết kợp với kiến thức đã học và đưa ra giải pháp xử lý phù hợp	ELO3; ELO8,9
CG4	Sự định hướng lâu dài cho nghiên cứu, nghề nghiệp CTN	ELO7; ELO8,9,11.
CG5	Ý thức chấp hành tốt pháp luật chung, bảo vệ môi trường và các quy chuẩn chuyên ngành	ELO10; ELO11, 12

Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu học phần và CĐR của CTĐT

Mục tiêu học phần *(CGs)*	**CĐR của CTĐT**										
	ELO2	**ELO3**	**ELO4**	**ELO5**	**ELO6**	**ELO7**	**ELO8**	**ELO9**	**ELO10**	**ELO11**	**ELO12**

CG1	H	M	M								M
CG2		M					M	M			
CG3		M					M	M			
CG4						H	M	M		M	
CG5									M	M	M

H: High (Cao) *M: Medium (Trung bình)* *L: Low (Thấp)*

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP*[1]*	**Mô tả CĐR học phần** *[2]* *(Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)*	**Chuẩn đầu ra CTĐT***[3]*
CELO1	Tự thực hành được một số công việc thực tế trong công tác thiết kế, thi công hoặc quản lý các công trình CTN	ELO2; ELO3; ELO4
CELO2	Đánh giá được kiến thức học từ nhà trường so với thực tế	ELO3; ELO8,9
CELO3	Thiết kế công nghệ dựa trên kết kợp với kiến thức đã học và đưa ra giải pháp xử lý phù hợp	ELO3; ELO8,9
CELO4	Lựa chọn được mảng chuyên ngành yêu thích để nghiên cứu sâu hoặc nghề nghiệp sau ra trường	ELO7; ELO8,9,11.
CELO5	chấp hành tốt các quy định trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, bảo vệ môi trường và các quy chuẩn chuyên ngành	ELO10; ELO11, 12

Ghi chú: Nhóm chuẩn đầu ra kiến thức: CELO1, CELO2;
Nhóm chuẩn đầu ra kỹ năng: CELO3, CELO4;
Nhóm mức độ tự chủ và trách nhiệm: CELO5

Ma trận mối quan hệ giữa CĐR học phần (CELOs) và CĐR của CTĐT (ELOs)

CĐR học phần	**CĐR của CTĐT**										
	ELO1	**ELO2**	**ELO3**	**ELO4**	**ELO6**	**ELO7**	**ELO8**	**ELO9**	**ELO10**	**ELO11**	**ELO1**
CELO1		M	H	H							
CELO2			H				H	M			
CELO3			H				H	M			
CELO4						H	H	M		H	

CELO5									M	M	H

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy áp dụng theo quy định trong công văn số 03/CV-KMtr của khoa môi trường:

(1). Phương pháp thuyết trình (Lecturing) ☒

(2). Phương pháp động não (Brainstorming) ☒

(3). Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think-pair-share)

(4). Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) ☒

(5). Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning) ☒

(6). Phương pháp đóng vai (Role playing)

(7). Phương pháp học dựa vào dự án (Project based learning)

(8). Phương pháp mô phỏng (Simualtion) ☒

(9). Nghiên cứu tình huống (Case studies)

(10). Phương pháp tham quan thực tế (Fieldtrip/xem video)

(11). Phương pháp Dạy học thông qua làm đồ án/ thực hành/thực tập ☒

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 100/3 (%), bao gồm: chuyên cần và kiểm tra giữa kỳ

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ✓ Bài tập lớn☐ Thực hành☐ Khác☐

- Điểm chấm phản biện:

+ Trọng số: 100/3 (%), bao gồm: trình bày, nội dung toàn văn

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Thuyết minh ✓ Bản vẽ ✓ Bài tập lớn☐ Thực hành☐ Khác☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 100/3 (%), bao gồm: bảo vệ ĐATN

+ Hình thức thi:

Thuyết trình ✓ Vấn đáp ✓ Thực hành☐ Khác☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá hướng dẫn	A1.1. Tham gia thực tập	Phẩm chất	CELO 5	Ngẫu nhiên/trong suốt quá trình học	Theo Rubric 1	PP quan sát	100/3 (%)
	A1.2. Thái độ học tập	Phẩm chất. kỹ năng	CELO 4,5.	Ngẫu nhiên/trong suốt quá trình học	Theo Rubric 8	PP quan sát	
A2. Đánh giá báo cáo TTTN	A2.1. Báo cáo chuyên đề - theo nhóm	Kiến thức tổng hợp về ngành nước, kỹ năng trình bày,	CELO1,2,3,4	2 tuần/lần	Theo Rubric 8	PP phỏng vấn PP quan sát	100/3 (%)
A3. Đánh giá của hội đồng TTTN	A3.1 Bài thi cuối khóa (trắc nghiệm + tự luận) …	Kiến thức, kỹ năng	CELO1,2,3,4,5	1 lần/ cuối kỳ	Theo Rubric 8,	PP viết	100/3 (%)

5.3. Rubric đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá kết quả học tập của môn học áp dụng theo ma trận rubric quy định cho môn học lý thuyết theo quy định của Khoa Môi trường trong công văn 04/CV – KMtr.

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Dựa trên yêu cầu của nhà trường, mong muốn của sinh viên thực tập và điều kiện thực tế của Cty, cơ quan mà sinh viên xin thực tập, sẽ lên kế hoạch cụ thể các công tác thực tập cho sv theo tuần để đáp ứng được chuẩn đầu ra của học phần

7. Tài liệu học tập

Tùy thuộc vào sự phân công hướng dẫn của cơ quan nhận hướng dẫn thực hành mà sinh viên sẽ sử dụng tài liệu học tập phù hợp với công việc được giao

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi thực tập theo kế hoạch thống nhất với cơ quan, Cty nơi thực tập. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 3 buổi dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải thực tập học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ làm việc bắt đầu sẽ không được tính.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình thực tập.

8.3. Quy định về tự học

Theo sự phân công trực tiếp của cán bộ hướng dẫn cũng như tuân thủ theo quy chế làm việc của cơ quan, Cty nơi thực tập.

8.4. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8.5. Quy định phản hồi thông tin

Sinh viên tham gia phản hồi ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên về môn học và chất lượng đào tạo của khoa theo đường link sau đây vào cuối kỳ.

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScwei1Az3E-s1pLTDfwqjAshALX4Vz5b61jcCmYgHG-Aul48w/viewform

9. Giảng viên giảng dạy môn học:

- Giảng viên phụ trách môn học: **TS. Nguyễn Huy Cương;**

- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: **BM CTN.**

- Địa điểm liên lạc: Văn phòng Khoa Môi Trường – Phòng B211 – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM - 236 B Lê Văn Sỹ - Phường 01 – Quận Tân Bình – Tp HCM.

10. Ngày phê duyệt: 02/07/2020.

TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH MÔN HỌC	NGƯỜI BIÊN SOẠN
PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà	TS. Nguyễn Huy Cương	TS. Nguyễn Huy Cương